

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 488/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 23/02/2001,

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Trịnh Xuân T, sinh ngày 21/10/1994,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc).

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trịnh Xuân T kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 11/5/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống với nhau đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống và tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, nhất là sau khi chị mang thai mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh con, anh T và gia đình không quan tâm đến mẹ con chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022, đến tháng 02/2023 anh T đi lao động tại Đài Loan không thông báo cho chị và gia đình biết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trịnh Thiên A, sinh ngày 02/01/2023, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên tròn 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tuy nhiên anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Hoàng Thị T1 (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết, qua liên lạc anh T xác định chị N trình bày không đúng, anh vẫn quan tâm đến vợ con nhưng chị N luôn gây sự và không tôn trọng anh. Trước khi đi Đài Loan anh đã thông báo cho chị N biết nhưng chị N trình bày anh không thông báo là không đúng, thời gian đầu anh có liên lạc với chị N nhưng chị N gây sự, cảm đoán không cho anh gặp con nên anh không liên lạc nữa. Nay chị N xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là đúng, anh nhất trí để chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc ly hôn anh Trịnh Xuân T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trịnh Thiên A cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc h1 đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Trịnh Xuân T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T1 là mẹ đẻ anh T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà T1 vẫn liên lạc với anh T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 11/5/2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Giữa tháng 02/2022 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T sang sống cùng chị khoảng một tháng nhưng vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn không được cải thiện nên anh T đã chuyển về nhà và đi lao động tại Đài Loan từ tháng 02/2023 cho đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn nên anh

nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Trịnh Xuân T có 01 con chung là Nguyễn Trịnh Thiên A, sinh ngày 02/01/2023, hiện con đang ở với chị N. Chị N và anh T thống nhất giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình); anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc ly h anh Trịnh Xuân T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trịnh Thiên A, sinh ngày 02/01/2023 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh T không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000259 ngày 02/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Trịnh Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Trịnh Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường